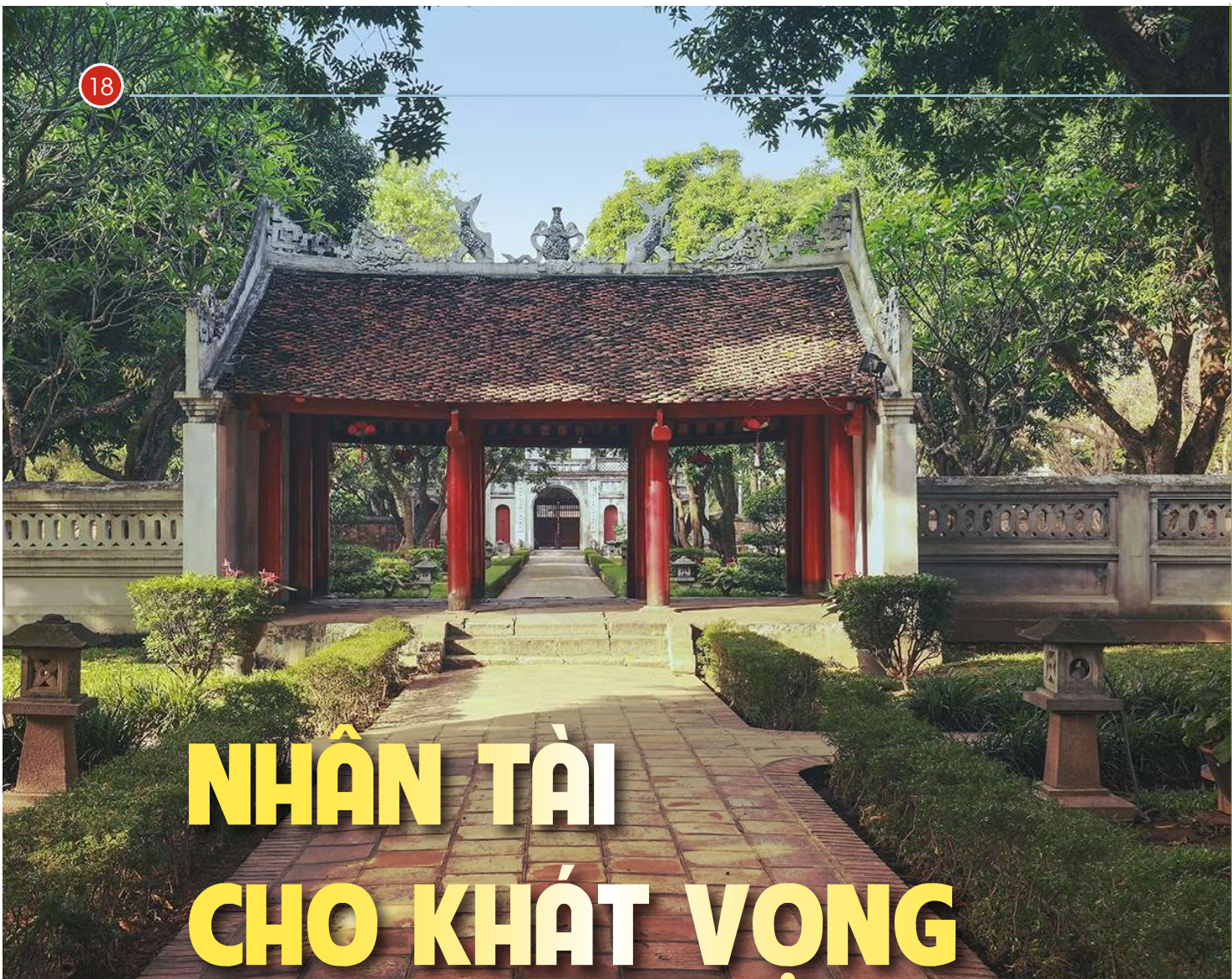




NHÂN TÀI CHO KHÁT VỌNG ĐẤT NƯỚC HÙNG CƯỜNG

👉 GS.TSKH VŨ MINH GIANG



Tổng Bí thư Tô Lâm gặp mặt trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ.

NGUYỄN KHÍ QUỐC GIA QUA DÒNG CHẢY LỊCH SỬ VIỆT NAM

Từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây, bất kỳ dân tộc nào, xã hội nào cũng có một bộ phận được gọi là tinh hoa, là những người sở hữu trí tuệ, bản lĩnh và tài năng vượt trội, có khả năng dẫn dắt sự phát triển của cộng đồng. Không có dân tộc "thượng đẳng" hay dân tộc "hạ đẳng". Mọi dân tộc đều bình đẳng với nhau, đều có quyền vươn lên và sở hữu những giá trị và tiềm năng riêng. Nhưng một quốc gia muốn thành công nhất định phải biết coi tài năng là nguyên khí.

Lịch sử loài người đã chứng minh, ở đâu những người có trí tuệ và tài năng được phát hiện, trọng dụng và

tạo điều kiện phát triển, thì ở đó quốc gia sẽ bứt phá đi lên mạnh mẽ. Trên thực tế, mọi bước nhảy vọt của nhân loại, mọi nền văn minh đều có dấu ấn đóng góp của những nhân tài biết dẫn dắt như vậy. Sức mạnh của quảng đại quần chúng là lực lượng hiện thực hóa các ý tưởng lớn, nhưng để định hướng, kiến tạo và dẫn dắt, nhất thiết phải có những con người sở hữu tư duy vượt trội, tầm nhìn rộng mở và bản lĩnh sáng tạo. Họ chính là nguồn lực quyết định sự hưng thịnh của một dân tộc.

Không phải ngẫu nhiên, dù khác biệt về lịch sử, văn hóa, xã hội nhưng nhiều quốc gia đều có chung một nhận định mang tính chân lý: Dân tộc nào biết coi tài năng là một tài nguyên thì dân tộc ấy sẽ luôn luôn

đi tiên phong. Quả đúng như vậy. Tài nguyên thiên nhiên, dầu quý giá như than đá, dầu mỏ, kim cương, đất đai cũng chỉ hữu hạn. Nhưng "tài nguyên con người", đặc biệt là tài năng, là loại tài nguyên có khả năng tái sinh, lan tỏa và nhân lên theo cấp số nhân. Giá trị mà nó tạo ra vượt xa mọi dạng tài nguyên hữu hạn khác, thậm chí có thể làm thay đổi cả thế giới.

Sinh cơ lập địa trên một vùng đất là giao điểm của những chuyển động bắc xuống nam lên, đông qua tây lại, Việt Nam có một vị trí địa chiến lược đặc biệt và lịch sử dân tộc vì thế liên tục phải đương đầu với những thử thách hiểm nghèo.

Ở bên trong quốc gia ấy, điều kiện



Vào cuối năm 1945 sau hai lần nhận được điện mời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ Huỳnh Thúc Kháng từ Huế đã ra Thủ đô Hà Nội. Sau nhiều lần trao đổi cuối cùng cụ Huỳnh Thúc Kháng đã nhận lời tham gia Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

tự nhiên tuy có phần ưu đãi, nhưng cũng phải đối diện với không ít những sự khắc nghiệt. Một quốc gia chịu va đập kép từ bên ngoài lẫn bên trong như vậy, rõ ràng không thể không cần đến tài năng. Trong văn hóa Việt Nam, đó là cậu bé Gióng, mới lên ba đã vươn mình thành tráng sĩ dẹp giặc ngoại xâm. Là Sơn Tinh dời non lấp biển, chế ngự thiên nhiên. Những hình tượng ấy không chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng, mà còn phản chiếu nhu cầu muôn đời cần những tài năng của dân tộc.

Từ thế kỷ X, sau khi thoát khỏi ách đô hộ gần 1.000 năm Bắc thuộc, đặc biệt dưới triều Lý, người Việt đã nhận thức sâu sắc việc lựa chọn và trọng dụng nhân tài là điều kiện tiên quyết để xây dựng nền văn hiến và quốc gia hùng cường.

Đây là cơ sở xuất hiện của hệ thống khoa bảng mà biểu hiện là sự ra đời của Văn Miếu – Quốc Tử Giám và chế độ thi cử, nhằm bồi dưỡng, đào tạo và tìm kiếm người tài năng phục vụ cho nước nhà. Cho đến triều Lê thế kỷ XV, sự phát triển này đã đạt tới đỉnh

cao, với sự khẳng định là tuyên ngôn của vua Lê Thánh Tông được ghi tại bài ký trên bia đá ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám do danh sĩ Thân Nhân Trung phụng soạn (năm 1484): "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia. Nguyên khí thịnh thì đất nước mạnh và càng lớn lao; nguyên khí suy thì thế nước yếu và càng xuống thấp".

Đó không chỉ là sự nhận định của một ông vua mà còn thể hiện một tư duy khác biệt và đặc sắc mang tầm quốc sách. Là bởi, trong tư duy truyền thống của các nhà nước quân chủ phương Đông, nguyên khí quốc gia phải là nhà vua và hoàng tộc. Trí thức đâu có được trọng vọng đến đâu cũng chỉ là bề tôi phục tùng. Thế mà vị Hoàng đế anh minh đã truyền đi một thông điệp khẳng định "hiền tài là nguyên khí của quốc gia", đặt trí thức, hiền tài vào trung tâm sức mạnh quốc gia và vận mệnh đất nước.

Và do đó, việc phát hiện và trọng dụng nhân tài không còn là quyền lợi hay nhu cầu của nhà nước quân chủ mà trở thành một yếu tố chiến lược

sống còn, ảnh hưởng trực tiếp đến sự thành bại của quốc gia. Tư duy ấy, có chăng, chúng ta chỉ thấy được ở Việt Nam.

Dẫu vậy, đáng tiếc thay, trong lịch sử dân tộc, có những giai đoạn, nhất là nửa sau thế kỷ XIX nhân tài đã không được trọng dụng để rồi trí thức phải đau lòng "ngoảnh mặt, quay đi". Giá như những điều trần cải cách, duy tân của Nguyễn Trường Tộ được chấp nhận thì Việt Nam chẳng những có thêm một Fukuzawa Yukichi thứ hai mà còn chẳng rơi vào cảnh đêm trường nô lệ. Giá như những trần trở của biết bao sĩ phu yêu nước đương thời được lắng nghe thì hẳn đất nước đã có thể mở ra một trang sử mới. Bài học đó với chúng ta là vô cùng đắt giá và còn mãi nhắc nhở về sau.

Trải qua thời gian, truyền thống "chăm lo việc gây dựng nhân tài", "tiến cử người hiền tài", quý trọng và trọng dụng nhân tài lâu đời của dân tộc ta đã tiếp tục được phát triển trong thời đại Hồ Chí Minh. Ngay từ trước khi chuẩn bị thành lập Đảng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã mở các

lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở Quảng Châu (Trung Quốc), với đối tượng là những thanh niên ưu tú, rồi sau đó đưa về nước hoạt động tuyên truyền, tổ chức quần chúng, làm hạt nhân cho phong trào cách mạng. Sức mạnh của toàn dân là vô biên, nhưng để nó bùng phát và dẫn đến thành công lịch sử, cần phải có một đội ngũ trí thức cách mạng tinh nhuệ, đủ khả năng dẫn dắt phong trào. Chỉ khi sự kết hợp giữa sức mạnh quần chúng và tinh hoa trí thức được thực hiện, sức mạnh đó mới bùng nổ, tạo nên bước ngoặt của lịch sử mà đỉnh cao là Cách mạng Tháng Tám 1945.

Ngay sau lễ tuyên ngôn Độc lập, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ ngày 3 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chính thức đề nghị mở chiến dịch "Chống nạn mù chữ" để "diệt giặc đói", coi đây là một trong những nhiệm vụ cấp bách nhất, thiết thực nhất mặc dù chính quyền cách mạng vừa mới ra đời phải giải quyết biết bao nhiệm vụ trong hoàn cảnh khó khăn và thiếu thốn vì "một dân tộc đói là một dân tộc yếu". Lịch sử phong trào đấu tranh giải phóng

dân tộc hầu như không thấy bất kỳ một quốc gia nào khác làm giống như Việt Nam.

Trong những ngày đầu lập quốc còn nhiều nguy khốn, Chính phủ lâm thời dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh lại dồn sức cho việc xóa nạn mù chữ. Thoạt nhìn thì thấy đây chỉ là một chính sách về văn hóa giáo dục, đem lại quyền được học tập của quần chúng nhân dân. Nhưng thâm sâu hơn và xa hơn là một quyết sách triển khai những bước đi đầu tiên cho việc thực hiện khát vọng xây dựng một quốc gia hùng cường, bắt đầu từ nâng cao dân trí. Đó là điều mà thiếu nó đất nước không thể phát triển. Nhưng nếu chỉ dừng ở nâng cao dân trí thì khó có sự phát triển đột phá. Trên nền dân trí cần phải chấn hưng dân khí, truyền tới toàn dân mong ước xây dựng một đất nước phồn vinh.

Và, chỉ sau đúng một tuần lễ phát đi mệnh lệnh quyết tâm diệt giặc đói, trong bức thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Người đã chỉ ra rằng: "Non sông Việt Nam có

trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em". Khát vọng đưa đất nước bước tới đài vinh quang, sánh vai với các cường quốc năm châu đã bắt đầu từ đây, bằng việc khai mở dân trí, chấn hưng dân khí, khơi dậy ý chí, khí phách của dân tộc, có vị trí cực kỳ quan trọng để phát triển đất nước, nhưng chưa đủ để xây dựng một quốc gia hùng cường.

Ngày 15/11/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có quyết định không ai ngờ tới: đích thân đến chủ trì lễ phát bằng và khai giảng trường Đại học Quốc gia Việt Nam (trên cơ sở Đại học Đông Dương).

Trong lúc chính quyền cách mạng non trẻ đang phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, nguy hiểm đến cực độ, sự kiện này có ý nghĩa hết sức đặc biệt. Nó không chỉ là thể hiện sự quan tâm của chính quyền cách mạng với giáo dục mà đây là thông điệp không thể rõ ràng hơn của



người đứng đầu Chính phủ về chiến lược đào tạo và trọng dụng nhân tài. Đó là tấm lòng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ dành cho nhân tài.

Không phải ngẫu nhiên mà năm 1946 nhiều trí thức tài năng, trong đó có kỹ sư Phạm Quang Lễ (Trần Đại Nghĩa) lại sẵn sàng rời bỏ vinh hoa phú quý và cuộc sống đủ đầy, tương lai xán lạn để trở về tham gia kháng chiến, dấn thân vào cuộc sống gian khổ, hiểm nguy bên cạnh lòng yêu nước, còn là sự yêu kính, cảm phục Hồ Chủ tịch, một lãnh tụ thiên tài biết giá trị và trọng dụng nhân tài.

Có thể nói, tư tưởng nâng cao dân trí, chấn hưng dân khí và trọng dụng nhân tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay từ những ngày đầu lập quốc đã trở thành kim chỉ nam xuyên suốt mọi giai đoạn phát triển của đất nước. Trải qua thời gian, tư tưởng ấy ngày càng được nhận thức sâu sắc và cụ thể hóa trong chính sách phát triển đất nước.

PHẢI CÓ TÀI SỬ DỤNG NGƯỜI TÀI

Sau gần 40 năm Đổi mới, Việt Nam đã xây dựng được một cơ đồ chưa từng có trong lịch sử. Đây chính là lúc Việt Nam đã đủ thế và lực bước vào một kỷ nguyên mới để thực hiện khát vọng đi tới phồn vinh, xây dựng một quốc gia hùng cường. Mà muốn đột phá thì phải có những người thực sự tài năng.

Mới đây, Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo một lần nữa nhấn mạnh: "Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai dân tộc". Bộ tứ Nghị quyết (57, 59, 66, 68) bên cạnh việc xác lập những định hướng chiến lược phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, đồng thời nhấn mạnh mẽ vai trò trung tâm của yếu tố con người và tài nguyên trí tuệ như là "nguồn vốn" chiến lược để đất nước vươn tới phồn vinh, cạnh tranh bình đẳng với các quốc gia tiên tiến và hiện thực hóa khát vọng xây dựng một quốc gia hùng cường, thịnh vượng.



Tổng Bí thư Tô Lâm và các đại biểu tham dự Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 7.

Nguyễn Trãi từng nói nước ta từ xưa đến nay "hào kiệt đời nào cũng có". Thực vậy, Việt Nam không bao giờ thiếu những con người tài năng, có năng lực và sẵn sàng cống hiến cho Tổ quốc. Nhưng nếu coi nhân tài là một loại tài nguyên đặc biệt, thì điều quý giá nhất của tài nguyên ấy chính là khả năng dùng được nhân tài. Nhân tài có thể xuất sắc ở nhiều lĩnh vực nhưng nếu thiếu những người biết nhận diện, biết tạo điều kiện, biết trao quyền và biết bảo vệ nhân tài, thì nguồn lực ấy sẽ bị lãng phí, thậm chí triệt tiêu lẫn nhau. Một quốc gia hùng mạnh không chỉ cần nhiều người tài, mà còn cần những người có bản lĩnh và trí tuệ để trọng dụng người tài.

Để trọng dụng nhân tài, chúng ta phải vượt qua nhiều thách thức cơ bản nhưng mang tính quyết định đối với sự phát triển của đất nước.

Thứ nhất, để khai thác được nguồn lực tinh hoa và sự đóng góp của những người tài năng, việc căn cốt nhất là thực lòng dùng người tài. Mọi cơ chế, chính sách, quy trình hay quy định chỉ là phương tiện hỗ trợ;

và vì tất cả đều do con người tạo ra, nên cũng có thể điều chỉnh, cải tiến cho phù hợp với thực tiễn.

Một số người thường nhấn mạnh đãi ngộ vật chất, lương bổng. Điều đó đúng nhưng không phải là tất cả. Chúng ta không thể tiếp tục kéo dài tình trạng đầu tư tiền tỷ để học tập rồi ra trường nhận lương 5 đến 7 triệu một tháng. Nhưng đối với trí thức, nhân tài đãi ngộ vật chất không phải là điều kiện quan trọng nhất. Hàng loạt trí thức giỏi theo Chủ tịch Hồ Chí Minh về nước năm 1946 để tham gia kháng chiến hoàn toàn không vì đãi ngộ vật chất mà là vì trái tim yêu nước của họ đã được vị lãnh tụ cách mạng thức tỉnh, tài năng của họ được trọng dụng.

Hơn lúc nào hết, chúng ta cần vô cùng những nhà lãnh đạo vừa có tầm nhìn chiến lược, vừa biết trọng dụng nhân tài, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để tài năng được phát triển và cống hiến vì lợi ích chung của đất nước.

Thứ hai, cần cân bằng tinh tế giữa bình quân chủ nghĩa, nhằm duy trì sự đoàn kết, công bằng trong xã hội,

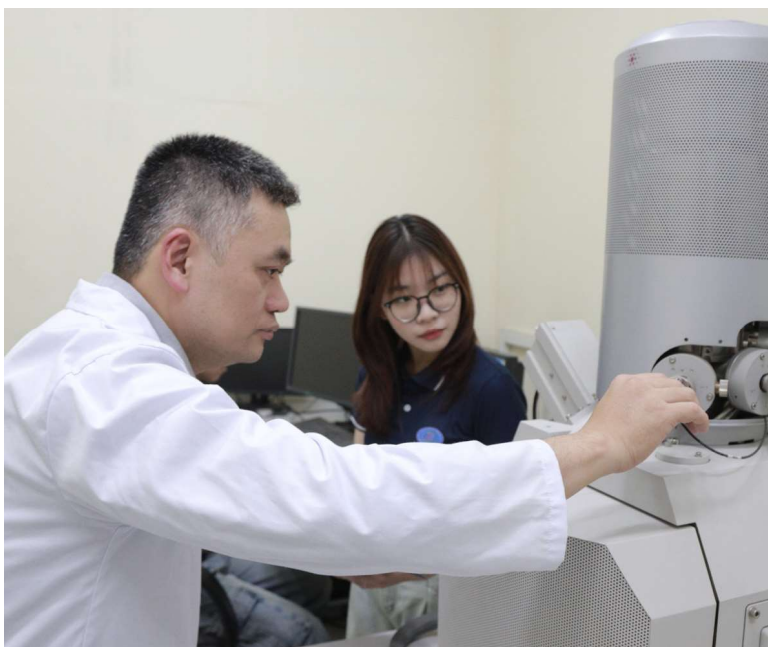
với sự khác biệt trong đối đãi với nhân tài. Một xã hội quá nhấn mạnh bình quân sẽ dễ làm mờ vai trò xuất chúng, khiến nhân tài bị lãng phí; ngược lại, nếu quá thiên lệch, dễ gây bất bình và mất sự gắn kết cộng đồng. Nghệ thuật ở đây là tạo ra một hệ thống chính sách vừa công bằng, vừa đặc thù, để tránh những hành vi suy nghĩ, ứng xử theo kiểu "xấu đâu hơn tốt đấy", "chết đâu hơn sống mình", "khôn đâu không bằng ngốc đâu".

Mặt khác, cần đảm bảo tài năng không trở thành khoảng cách chia rẽ trong cộng đồng, tập thể, mà phải là nguồn lực thúc đẩy sự phát triển chung.

Thứ ba, cần điều tiết điều để tài năng không bị trở ngại bởi thói đồ kỵ, ganh ghét – vốn là một trong những đặc tính tâm lý tiểu nông của người Việt xưa. Người xưa đã cảnh báo: "Tài tình chi lắm cho trời đất ghen", "Có tài mà cậy chi tài, chữ tài đi với chữ tai một vần". Những lời dạy này nhắc nhở rằng, nếu nhân tài không được bảo vệ và trọng dụng đúng mức, họ sẽ dễ bị hạn chế, hoặc tự rút lui trước áp lực xã hội, dẫn đến sự lãng phí tài nguyên quý giá của quốc gia. Vì vậy, tinh thần trọng dụng nhân tài phải đi đôi với việc chống lại những cản trở tâm lý, xã hội, đảm bảo mỗi người tài đều được phát huy tối đa khả năng vì lợi ích chung của đất nước.

Phải truyền thông, quảng bá để xã hội nhận thấy rằng nâng đỡ người tài là vì lợi ích chung, loại bỏ những định kiến rằng thành tích của người khác là do "ăn may" hay "quý nhân phù trợ". Cần khuyến khích thái độ khách quan, công tâm trong đánh giá năng lực và hiệu quả công việc của đồng chí, đồng đội, đồng nghiệp xuất sắc; đồng thời hình thành tinh thần hợp tác với những người năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì tập thể.

Thứ tư, cần giải quyết triệt để vấn đề "thực học – hư hàm" và thói trọng bằng



cấp. Một nền giáo dục hay cơ chế sử dụng nhân tài nếu chỉ nhìn vào danh hiệu, bằng cấp, giấy tờ mà không đánh giá thực chất năng lực, phẩm chất và kết quả công việc, sẽ dễ dẫn đến lãng phí tài năng, chưa kể là tạo ra thói hình thức, quan liêu, chạy bằng cấp, chạy danh hiệu. Ngược lại, nếu tập trung vào thực học, thực tài, khuyến khích học hỏi, rèn luyện và áp dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn, nhân tài mới được phát huy đúng mức và trở thành động lực phát triển bền vững của đất nước. Nguyên tắc ở đây là tôn trọng năng lực thực chất hơn là danh xưng, đánh giá kết quả hơn là hình thức, đề trí thức, nhân tài tự tin cống hiến, sáng tạo và phục vụ Tổ quốc.

Thứ năm, cần nhận thức rõ ràng rằng tri thức không có biên giới, nhưng trí thức phải có Tổ quốc. Trí thức, kiến thức có thể tự do lan tỏa khắp nơi, nhưng trí thức là một thực thể, một con người với trách nhiệm và nghĩa vụ đối với đất nước mình. Nhiều người giỏi, nhiều học sinh xuất sắc ra nước ngoài, nếu không được hướng về tổ quốc, tài năng ấy có thể "bay đi" và không quay trở lại

phục vụ đất nước.

Hiện nay, nhiệm vụ quan trọng là làm sao để những trí thức Việt Nam, cả trong và ngoài nước, luôn hướng về Tổ quốc. Đây không chỉ là vấn đề đãi ngộ vật chất hay lương cao, mà là xây dựng ý thức về trách nhiệm công dân, lòng tự hào dân tộc và tinh thần phục vụ cộng đồng. Khi người Việt Nam tự hào là người Việt Nam, họ mới sẵn sàng cống hiến tài năng cho đất nước, thay vì tìm kiếm vinh quang hay nhận dạng bản thân theo quốc tịch khác.

Để đất nước bước vào kỷ nguyên mới, xây dựng một quốc gia hùng cường, văn minh, cần rất nhiều yếu tố, nhưng điều then chốt nhất là phải tự lực cánh sinh: đi bằng đôi chân của mình, nghĩ bằng cái óc của mình, làm bằng đôi tay của mình. Trên cơ sở hiểu rõ những gì đang diễn ra trên thế giới, biết cách biến mọi tiềm lực, kinh nghiệm, kỹ năng của người Việt Nam thành lợi thế cạnh tranh, đất nước mới có thể phát triển bền vững.